

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73a/2022/DS-PT

Ngày: 19/4/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm, bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng, Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2021/QĐ-PT, ngày 22 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10a/2022/QĐ-PT, ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Châu Y, sinh năm: 1966; địa chỉ: Buôn CA, xã CD, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc Q; địa chỉ: Số 57 đường A5, thôn 1, xã CÊ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Ông Chênh Mộc S, sinh năm: 1952; địa chỉ: Ấp CĐ, xã CG, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc H; địa chỉ: Số 59 đường TĐT, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

1. Công ty TNHH BY;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sỹ W; chức vụ: giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị E; chức vụ: Nhân viên

Địa chỉ: Buôn K, xã CO, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Ngọc Q trình bày:** Năm 2012, do có nhu cầu sản xuất tinh bột sắn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa tại địa phương, bà Y với ông Chênh Mộc S đã làm việc và thỏa thuận với nhau về việc lắp đặt dây chuyền sản xuất tinh bột sắn tại DNTN YN bằng lời nói. Nội dung thỏa thuận như sau:

Ông Chênh Mộc S có trách nhiệm lập thủ tục xin phép nhập khẩu một hệ thống đồng bộ dây chuyền sản xuất tinh bột sắn hiện đại nhất mà các nước tiên tiến đang sử dụng. Sau đó vận chuyển tới lắp đặt tại DNTN YN. Sau khi lắp đặt xong, phía ông S có trách nhiệm vận hành, chạy thử và cử nhân viên kỹ thuật hướng dẫn cho công nhân của DNTN YN vận hành cho đến khi thành thạo. Đồng thời, phía ông S phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, hóa đơn chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dây chuyền máy móc, cũng như hồ sơ, giấy phép nhập khẩu kể cả tờ khai Hải quan... và ông S có trách nhiệm lập báo cáo tác động môi trường trình cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt làm cơ sở để phía DNTN YN đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và lập thủ tục thế chấp vay tiền thanh toán cho ông S.

Tổng giá trị hợp đồng là 10 tỷ đồng. Bà Y đã giao cho ông S 2,5 tỷ đồng theo yêu cầu.

- Sau khi hoàn tất việc lắp đặt, chạy thử, bà Y yêu cầu ông S cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dây chuyền cũng như báo cáo tác động môi trường để bà Y trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lập thủ tục đăng ký thế chấp vay tiền thanh toán cho ông S, nhưng ông S không có để cấp nên hợp đồng không tiếp tục thực hiện được.

Tại phiên hòa giải ngày 14/7/2017, đại diện của ông Chênh Mộc S đồng ý giao dịch dân sự vô hiệu giữa ông Chênh Mộc S và DNTN YN.

Tại Điều 137 BLDS (2005) quy định:

“1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập.

2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải hoàn trả bằng tiền, trừ trường hợp tài sản giao dịch, hoa lợi, lợi tức thu được bị tịch thu theo quy định của pháp luật. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường”

Sau buổi hòa giải ngày 14/7/2017, ông Chênh Mộc S đã đưa công nhân đến tháo dỡ, di chuyển toàn bộ hệ thống sản xuất tinh bột sắn ra khỏi khuôn viên DNTN YN. Coi như bà Y đã giao trả toàn bộ những gì mà ông S đã lắp đặt nên bà Y không còn chịu trách nhiệm gì đối với tài sản của ông S.

Đối với số tiền 2,5 tỷ đồng mà ông S đã nhận đặt cọc của bà Y. Do hợp đồng vô hiệu, ông Chênh Mộc S đã nhận lại toàn bộ tài sản của mình, nhưng ông S không hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc.

Vì vậy, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lắp đặt thiết bị dây chuyền, máy móc chế biến tinh bột mì giữa bà Nguyễn Thị Châu Y với ông Chênh Mộc S vô hiệu và buộc ông Chênh Mộc S phải trả cho bà Y số tiền gốc 2,5 tỷ đồng

và tiền lãi tính từ ngày bà Y giao trả lại tài sản cho ông S (14/7/2017) đến khi xét xử xong vụ án với mức lãi suất do pháp luật quy định.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Do hợp đồng vô hiệu, ông S đã tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản là máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất tinh bột mì ra khỏi sự quản lý của bà Y và đưa về nhà cất giữ, nên bà Y không còn trách nhiệm với tài sản của ông Chênh Mộc S. Vì vậy, yêu cầu phản tố của ông S đề nghị Tòa án buộc bà Y phải trả số tiền hợp đồng còn lại là 7,5 tỷ đồng trong hợp đồng vô hiệu nói trên là không có căn cứ nên nguyên đơn không đồng ý.

*** Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:**

Giữa năm 2012, bà Nguyễn Thị Châu Y có đến tham quan nhà máy sản xuất tinh bột mì của ông Chênh Mộc S tại Đồng Nai và có đặt ông S lắp đặt cho bà Y một dây chuyền sản xuất tinh bột mì. Toàn bộ giá trị dây chuyền là 10 tỷ đồng. Thỏa thuận trên được lập thành hợp đồng kinh tế nhưng vì lý do khách quan nên hai bên chưa ký kết hợp đồng được. Sau khi thỏa thuận xong bà Y chuyển cho ông S 2,5 tỷ đồng đặt cọc.

Đến năm 2013, ông S đã lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, vận hành thử nghiệm và đã cho sản phẩm đạt tiêu chuẩn và đã được bán cho công ty Ajinomoto Đồng Nai. Lúc này, ông S đã nhiều lần yêu cầu bà Y thanh toán cho ông S số tiền hợp đồng còn lại là 7,5 tỷ đồng và các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng nhưng bà Y hứa hẹn khi bà Y được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhà máy sản xuất tinh bột mì sẽ vay vốn Ngân hàng trả cho ông S.

Đến năm 2015 thì bà Y được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhà máy sản xuất tinh bột mì nhưng lúc này bà Y không muốn tiếp tục sản xuất nên bán toàn bộ dự án cho Công ty TNHH thương mại đầu tư BY do Ông Trần Sỹ W làm Giám đốc. Ông S đã yêu cầu bà Y phải thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu cho ông S, còn việc bà Y bán dự án cho ai là quyền của bà Y. Tuy nhiên, do đối tác nhận chuyển nhượng dự án của bà Y chỉ đồng ý mua giấy chứng nhận đầu tư cùng quyền sử dụng đất và nhà xưởng của bà Y mà không mua dây chuyền sản xuất nên bà Y yêu cầu ông S tháo dỡ hết toàn bộ dây chuyền máy móc, thiết bị mà ông S đã lắp đặt cho bà Y và tuyên bố không thanh toán số tiền còn thiếu cho ông S. Toàn bộ máy móc là đồ mới mà ông S nhập từ nước ngoài về để lắp đặt, nếu tháo đi sẽ làm hư hỏng và giảm đi chất lượng rất nhiều trong khi ông S đã hoàn thành dây chuyền theo yêu cầu của bà Y. Như vậy, thiệt hại sẽ rất lớn, trong khi đó bà Y đã vi phạm hợp đồng, không trả tiền cho ông S còn bắt ông S phải hoàn lại 2,5 tỷ đồng tiền đặt cọc. Hành động trên của bà Y quá ngang ngược, vi phạm pháp luật nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp quyền, lợi ích hợp pháp của ông S.

Vì vậy, ông S đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk buộc bà Y phải trả lại cho ông S số tiền 14,1 tỷ đồng (*gồm số tiền còn lại của hợp đồng là 7,5 tỷ đồng và số tiền phát sinh ngoài hợp đồng*). Tuy nhiên, bà Y không những không trả tiền mà còn có đơn yêu cầu buộc ông S phải hoàn lại cho bà Y 2,5 tỷ đồng tiền đặt cọc.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại biên bản hòa giải ngày 14/7/2017 bà Y đồng ý giao toàn bộ tài sản là máy móc còn lại được tháo dỡ ra khỏi nhà máy cho ông S tạm thời quản lý để tránh hư hỏng thêm. Số máy móc này sẽ được hoàn trả lại cho bà Y sau khi bà Y thanh toán hết số tiền còn lại của hợp đồng là 7,5 tỷ đồng. Còn đối với yêu cầu khởi kiện khác liên quan đến việc lắp, đặt hệ thống máy móc hỗ trợ cho dây chuyền sản xuất thì ông S rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét.

Căn cứ theo sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên, tại Bản án dân sự số 15/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã tuyên cho ông S được toàn quyền sở hữu số máy móc còn lại sau khi tháo dỡ khỏi nhà máy, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Y.

Tuy nhiên, khi vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định: Hợp đồng mua bán lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì được giao kết giữa ông Chênh Mộc S và bà Nguyễn Thị Châu Y là có hiệu lực pháp luật và yêu cầu cần tiếp tục thực hiện hợp đồng, bởi lẽ ông S đã hoàn thiện việc lắp đặt nhà máy và dây chuyền sản xuất chế biến tinh bột mì, các máy móc, thiết bị được dùng lắp đặt đều có nguồn gốc, chứng từ chứng minh xuất xứ rõ ràng.

Sau đó, dây chuyền sản xuất chế biến tinh bột mì đã được đưa vào vận hành cho ra sản phẩm bột mì đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và số sản phẩm này cũng đã được bán ra thị trường thu về lợi nhuận cho bà Y. Như vậy, ông S đã hoàn thành nghĩa vụ của bên lắp đặt, bà Y cũng thừa nhận, nghiệm thu dây chuyền sản xuất này và không có ý kiến gì tại thời điểm bàn giao.

Hợp đồng mua bán lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì là hợp đồng song vụ, ông S đã hoàn thành nghĩa vụ lắp đặt của mình, do đó bà Y phải thực hiện nghĩa vụ là thanh toán số tiền hợp đồng còn lại cho ông S là 7,5 tỷ đồng, căn cứ Điều 410 BLDS 2015 quy định “*Thực hiện hợp đồng song vụ*”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tuyên bố buộc bà Y trả tiền mà lại tuyên giao toàn bộ máy móc, thiết bị đã tháo dỡ từ dây chuyền cho ông S để bù trừ nghĩa vụ trả tiền của bà Y là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, do đó Tòa án cấp phúc đã tuyên xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Vì vậy, khi vụ án được Tòa án nhân dân huyện Krông Bông thụ lý giải quyết lại thì vai trò tố tụng của hai bên bị đảo ngược lại, hiện tại bà Y là nguyên đơn, còn ông S là bị đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 3,5 tỷ đồng, trong đó tiền gốc 2,5 tỷ đồng và tiền lãi từ 14/7/2017 thì bị đơn không đồng ý. Bị đơn đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng mua bán lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì được giao kết giữa ông Chênh Mộc S và bà Nguyễn Thị Châu Y là có hiệu lực. Theo đó, buộc bà Nguyễn Thị Châu Y phải trả cho ông Chênh Mộc S số tiền hợp đồng còn lại là 7,5 tỷ đồng.

* Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của Công ty BY trình bày. Hiện tại Doanh nghiệp tư nhân YN không còn hoạt động, đã chuyển sang Công ty TNHH BY. Các tài sản của doanh nghiệp YN trước đây đã chuyển toàn bộ đi nơi

khác, còn việc chuyển đi đâu thì Công ty BY không biết. Tại Công ty BY các tài sản của doanh nghiệp YN không còn bất cứ tài sản gì, các tài sản hiện tại là của Công ty BY.

* Quá trình xác minh tại Công ty BY ở Buôn K, xã Cư Pui, huyện K ngày 13/4/2021 cùng với chính quyền địa phương xác định được:

Hiện tại Doanh nghiệp YN không còn hoạt động, đã chuyển quyền sở hữu cho Công ty BY. Các tài sản của Doanh nghiệp YN đã chuyển đi nơi khác, không còn tài sản gì khác tại Công ty BY. Khi chuyển dịch các tài sản đi nơi khác Doanh nghiệp YN không khai báo và cũng không có ai báo với chính quyền địa phương nên địa phương không biết được tài sản của doanh nghiệp YN ở đâu và ai đang sử dụng.

Tại Bản án số 10/2021/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 48; 147; 192; 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các điều 238; 266; 271; 273 Bộ luật tố dân sự;

- Căn cứ Điều 410, 423, 425; 427, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Đối với hợp đồng lắp đặt thiết bị dây chuyền, máy móc chế biến tinh bột mì bằng miệng giữa bà Nguyễn Thị Châu Y với ông Chênh Mộc S:

- Hủy hợp đồng lắp đặt thiết bị dây chuyền, máy móc chế biến tinh bột mì bằng miệng giữa bà Nguyễn Thị Châu Y với ông Chênh Mộc S.

- Đối với hậu quả của hợp đồng: Vì tài sản không còn nên không xác định được giá trị thiệt hại nên không xem xét.

2. Đối với các yêu cầu của các đương sự:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y về yêu cầu ông Chênh Mộc S phải trả lại số tiền 2,5 tỷ đồng. Buộc ông Chênh Mộc S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Châu Y 2,5 tỷ đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y đối với yêu cầu ông Chênh Mộc S trả 01 tỷ đồng tiền lãi phát sinh và yêu cầu tuyên bố hợp đồng

lắp đặt thiết bị dây chuyền, máy móc chế biến tinh bột mì giữa bà Nguyễn Thị Châu Y với ông Chênh Mộc S vô hiệu.

Đình chỉ trả lại đơn yêu cầu phản tố cho bị đơn ông Chênh Mộc S về việc yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán, lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì được giao kết giữa ông Chênh Mộc S và bà Nguyễn Thị Châu Y có hiệu lực pháp luật và yêu cầu bà Nguyễn Thị Châu Y phải trả cho ông Chênh Mộc S số tiền 7,5 tỷ đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/8/2021 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Ngọc Q kháng cáo đối với Bản án số 10/2021/DSST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Ngày 04/8/2021 đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Ông Đặng Ngọc H kháng cáo đối với Bản án số 10/2021/DSST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và tranh luận: Hợp đồng lắp đặt thiết bị dây chuyền, máy móc chế biến tinh bột mì bằng miệng giữa bà Nguyễn Thị Châu Y với ông Chênh Mộc S bị vô hiệu từ thời điểm giao kết. Cụ thể nội dung thỏa thuận đã vi phạm vào điều cấm của pháp luật, ông S không cung cấp được hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dây chuyền cũng như báo cáo đánh giá tác động môi trường để bà Y trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lập thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư dẫn đến bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính. Trong hồ sơ thể hiện một số hóa đơn chứng từ mà bị đơn đã cung cấp cho tòa án nhưng những tài liệu này không liên quan gì để hệ thống dây chuyền mà ông S đã lắp đặt. Ngoài ra, đại diện bị đơn còn cho rằng tại phiên hòa giải ngày 14/7/2017, đại diện của ông Chênh Mộc S đã đồng ý giao dịch dân sự giữa ông Chênh Mộc S và DNTN YN về việc lắp đặt dây chuyền sản xuất tinh bột mì vô hiệu. Sau buổi hòa giải ngày 14/7/2017, ông Chênh Mộc S đã đưa công nhân đến tháo dỡ, di chuyển toàn bộ hệ thống sản xuất tinh bột sẵn ra khỏi khuôn viên DNTN YN. Coi như bà Y đã giao trả toàn bộ những gì mà ông S đã lắp đặt nên bà Y không còn chịu trách nhiệm gì đối với tài sản của ông S.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận: Phía nguyên đơn cho rằng hợp đồng lắp đặt hệ thống sản xuất tinh bột mì đã vi phạm vào điều cấm của pháp luật hoàn toàn không có căn cứ. Ông S đã lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, vận hành thử nghiệm và đã cho sản phẩm đạt tiêu chuẩn và đã được bán cho công ty Ajinomoto Đồng Nai. Hơn nữa, hợp đồng lắp đặt dây chuyền chế biến tinh bột mì chỉ là một phần trong dự án xây dựng nhà máy của bà Y. Bà Y phải xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi, đánh giá tác động môi trường, xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Việc bà Y bị phạt là do xả thải ra môi trường vượt mức quy định chứ không phải do

việc lắp ráp dây chuyền của ông S. Sau khi tham quan dây chuyền của ông S bà Y không yêu cầu về giấy phép, cũng như về tiêu chí nào khác mà chỉ yêu cầu ông S lắp đặt giống như dây chuyền của ông S đang hoạt động. Đây là sự thỏa thuận hợp pháp, không vi phạm điều cấm của pháp luật, bản thân bà Y cũng đã thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với việc ông Chênh Mộc S đã đưa công nhân đến tháo dỡ, di chuyển toàn bộ hệ thống sản xuất tinh bột sản ra khỏi khuôn viên DNTN YN là do sau khi bà Y được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhà máy sản xuất tinh bột mì nhưng lúc này bà Y không muốn tiếp tục sản xuất nên đã bán toàn bộ dự án cho Công ty TNHH thương mại đầu tư BYdo Ông Trần Sỹ W làm Giám đốc. Ông S đã yêu cầu bà Y phải thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu cho ông S, còn việc bà Y bán dự án cho ai là quyền của bà Y. Tuy nhiên, do đối tác nhận chuyển nhượng dự án của bà Y chỉ đồng ý mua giấy chứng nhận đầu tư cùng quyền sử dụng đất và nhà xưởng của bà Y mà không mua dây chuyền sản xuất nên bà Y yêu cầu ông S tháo dỡ hết toàn bộ dây chuyền máy móc, thiết bị mà ông S đã lắp đặt cho bà Y để giao mặt bằng cho Công ty BY. Việc ông S tháo dỡ là theo yêu cầu của bà Y để tránh hư hỏng thêm chứ không phải là vì công nhận hợp đồng vô hiệu mà các bên giao trả cho nhau những gì đã nhận. Quan điểm của ông S là sau khi bà Y trả đủ cho ông S số tiền 7,5 tỷ đồng theo hợp đồng còn thiếu thì ông S sẽ giao cho bà Y toàn bộ dây chuyền mà ông S đã tháo dỡ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng, mặc dù thiết bị tháo dỡ không còn tại chỗ lắp ráp nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ hệ thống máy móc, thiết bị đã bị tháo dỡ hiện đang ở đâu? Ai là người đang quản lý thiết bị? Trị giá thiết bị máy móc là bao nhiêu? Lý do gì tháo dỡ dây chuyền máy móc? Cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ nên không có căn cứ để xác định thiệt hại của hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, hủy Bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Hồ sơ vụ án thể hiện, năm 2012 bà Y có hợp đồng miệng với ông Chênh Mộc S về việc, ông S có trách nhiệm lắp đặt cho bà Y toàn

bộ dây chuyền về chế biến, sản xuất tinh bột mì tại DNTN YN tại Buôn K, xã Cur Pui, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giá trị hợp đồng là 10 tỷ đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Y đã chuyển trước cho ông S 2,5 tỷ đồng và ông S đã lắp đặt toàn bộ dây chuyền cho nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì, sau khi lắp đặt xong chạy thử và đã bán sản phẩm ra thị trường. Căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thì hợp đồng lắp đặt dây chuyền về chế biến sản xuất tinh bột mì giữa bà Y và ông S vào năm 2012 là hoàn toàn trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 122 và Điều 388 Bộ luật dân sự 2005 (nay được quy định tại điều 127 và 385 BLDS 2015). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và cho rằng ông Chênh Mộc S không đủ điều kiện, không có năng lực và sử dụng sản phẩm không có nguồn gốc xuất xứ để lắp ráp là vi phạm điều cấm của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy khi các bên giao kết hợp đồng không thể hiện rõ yêu cầu về mặt kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ đối với dây chuyền lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì. Quá trình lắp ráp cho đến khi hoàn thành chạy thử cho ra sản phẩm bà Y cũng không có thắc mắc khiếu nại gì về nguồn gốc, xuất xứ dây chuyền. Cơ quan chức năng cũng không xử phạt vi phạm hành chính đối với ông S về việc lắp đặt máy móc, thiết bị không có hóa đơn, nguồn gốc xuất xứ cũng như không xem xét việc ông S có đủ điều kiện để lắp đặt hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật nên không có căn cứ cho rằng giao dịch giữa bà Y và ông S vô hiệu.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Quá trình giải quyết nguyên đơn không có đơn thay đổi bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện, Bản án sơ thẩm nhận định không có căn cứ tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng không bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà lại tuyên hủy hợp đồng là không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về nguyên tắc khi hủy hợp đồng thì phải xem xét yếu tố lỗi của các bên, bên nào có lỗi dẫn đến hợp đồng bị hủy thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia (nếu có), cấp sơ thẩm xác định tài sản trên thực tế không còn tồn tại nên không xác định được giá trị thiệt hại do đó không có cơ sở để xem xét nhưng lại buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2,5 tỷ đồng là không có căn cứ.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên không có căn cứ đề chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, như đã nhận định ở mục [1] và [2.1] yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ nên cần chấp nhận

một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“2. Yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

b) Yêu cầu phản tố được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

c) Giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn.”

Căn cứ vào quy định trên thì yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ. Bởi lẽ, nếu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì không thể chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và ngược lại. Cụ thể, nếu tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo yêu cầu của nguyên đơn thì không thể công nhận hợp đồng như yêu cầu của bị đơn. Do không đáp ứng được quy định tại điểm a và điểm b của điều luật đã viện dẫn ở trên nên việc yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ. Trong vụ án này cả nguyên đơn và bị đơn đều có quyền khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu của bị đơn không phải là yêu cầu phản tố nên đã đình chỉ việc giải quyết và trả lại đơn yêu cầu của phản tố của bị đơn mà không hướng dẫn bị đơn làm đơn khởi kiện bằng một vụ án độc lập là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Từ nhận định trên xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 308 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 82.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ($2.000.000.000đ = 72.000.000đ$; $500.000.000đ \times 2\% = 10.000.000đ$). Tổng cộng là 82.300.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 51.000.000 đồng mà bà Y đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai nộp tiền số AA/2017/0006016 ngày 30/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị Châu Y phải nộp tiếp 31.300.000 đồng.

Hoàn trả cho Ông Đặng Ngọc H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 57.750.000 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà ông Nguyễn Minh

Luân đã nộp thay Ông Đặng Ngọc H theo biên lai thu tiền số AA/2019/0006712 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Ngọc Q.

Chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Ông Đặng Ngọc H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DSST ngày 20/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các Điều 122, Điều 388 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 4 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì được giao kết giữa ông Chênh Mộc S và bà Nguyễn Thị Châu Y vô hiệu. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y về việc buộc ông Chênh Mộc S phải trả lại số tiền 2,5 tỷ đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Đình chỉ, trả lại đơn yêu cầu phản tố cho bị đơn ông Chênh Mộc S về việc yêu cầu Tòa án công nhận Hợp đồng lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì được giao kết giữa ông Chênh Mộc S và bà Nguyễn Thị Châu Y có hiệu lực pháp luật và yêu cầu bà Nguyễn Thị Châu Y phải trả cho ông Chênh Mộc S số tiền 7,5 tỷ đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Châu Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 82.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng là 82.300.000đ. Được khấu trừ vào số tiền 51.000.000 đồng mà bà Y đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai nộp tiền số AA/2017/0006016 ngày 30/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Nguyễn Thị Châu Y phải nộp tiếp 31.300.000 đồng (*Ba mươi một triệu ba trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ông Đặng Ngọc H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 57.750.000

đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà ông Nguyễn Minh Luân đã nộp thay Ông Đặng Ngọc H theo biên lai thu tiền số AA/2019/0006712 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Phan Ngọc Q số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Phan Minh Huy đã nộp thay theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004872 ngày 16/8/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- CCTHADS huyện Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú